

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH HẬU GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 86/2019/DS - PT

Ngày: 27 - 6 - 2019

V/v Tranh chấp quyền sử dụng đất

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH HẬU GIANG**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Võ Thị Phụng

Các Thẩm phán: Ông Hồ Văn Luông

Bà Trịnh Thị Bích Hạnh

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hol – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Hậu Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hậu Giang: Ông Nguyễn Văn Hòa - Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Ngày 27 tháng 6 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Hậu Giang xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 89/2019/TLPT - DS ngày 19 tháng 3 năm 2019 về Tranh chấp quyền sử dụng đất.

Do bản án dân sự sơ thẩm số: 41/2018/DS - ST ngày 27 tháng 12 năm 2018 của Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Hậu Giang bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 134/2019/QĐ - PT ngày 19 tháng 5 năm 2019; Theo Quyết định hoãn phiên tòa số: 47/2019/QĐ – PT ngày 18/6/2019 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ông Lê Văn L (có mặt).

Địa chỉ: Ấp N, xã M, huyện C, tỉnh Hậu Giang.

2. Bị đơn:

2.1. Bà Lê Thị B (có mặt).

Địa chỉ: Ấp N, xã M, huyện C, tỉnh Hậu Giang.

2.2. Ông Lê Văn N (có mặt).

Địa chỉ: Ấp N, xã M, huyện C, tỉnh Hậu Giang.

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

3.1. Ủy ban nhân dân huyện C, tỉnh Hậu Giang

Người đại diện hợp pháp của Ủy ban nhân dân huyện C (Theo văn bản ủy quyền ngày 23 tháng 8 năm 2018): Ông Trần Hoàng L – Chức vụ: Phó trưởng phòng Tài nguyên và Môi trường huyện C, tỉnh Hậu Giang (có mặt).

3.2. Ủy ban nhân dân xã M, huyện C, tỉnh Hậu Giang

Người đại diện hợp pháp của Ủy ban nhân dân xã M: Ông Huỳnh Văn C – Chức vụ: Chủ tịch (vắng mặt).

3.3. Ông Lê Văn T (vắng mặt).

Địa chỉ: Ấp N, xã M, huyện C, tỉnh Hậu Giang.

3.4. Bà Lê Thị H (vắng mặt).

Địa chỉ: Ấp N, xã M, huyện C, tỉnh Hậu Giang.

3.5. Ông Lê Văn L1 (tên gọi khác: Phi, L Em) (vắng mặt).

Địa chỉ: Ấp N, xã M, huyện C, tỉnh Hậu Giang.

3.6. Bà Lê Thị T (vắng mặt).

Địa chỉ: Vĩnh Phú, Thuận An, tỉnh Bình Dương.

3.7. Bà Lê Thị V (vắng mặt).

Địa chỉ: Ấp N, xã M, huyện C, tỉnh Hậu Giang

3.8. Ông Lê Văn T1 (vắng mặt).

Địa chỉ: Ấp N, xã M, huyện C, tỉnh Hậu Giang

3.9. Bà Lê Thị T1 (vắng mặt).

Địa chỉ: Ấp N, xã M, huyện C, tỉnh Hậu Giang

3.10. Bà Lê Thị T2(vắng mặt).

Địa chỉ: Ấp N, xã M, huyện C, tỉnh Hậu Giang

4. Người kháng cáo: Nguyên đơn ông Lê Văn L.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo bản án sơ thẩm và các tài liệu có trong hồ sơ thì nội dung vụ án như sau:

Nguyên đơn ông Lê Văn L trình bày: Nguồn gốc phần đất tranh chấp theo đo đạc thực tế có diện tích 4117,8m² là của ông Lê Văn H là ông nội (ghê) sống chấp nối với bà Phạm Thị Đ là bà nội ruột của ông, đã được chính quyền cách mạng tạm cấp từ khoảng năm 1953 – 1957, nhưng không giấy tờ hoặc quyết định. Khi được cấp thì ông H trực tiếp canh tác, đến năm 1962 ông H bị pháo của Chi Khu Một Ngàn bắn chết, bà nội của ông là Phạm Thị Đ bị thương nặng không làm ruộng được nên cho ông Lê Văn G (em ruột ông H) mướn mỗi năm phải đóng là 12 gia lúa. Đến năm 1968 bà Đ chết, ông G trả đất lại cho ông Lê Văn K (là cha ông) nhưng cha của ông bệnh lao phổi không làm được nên tiếp tục cho ông G mướn đất. Năm 1975 cha ông gắp ông G lấy đất lại thì ông G thống nhất giao lại 05 công, còn 05 công thì ông G làm nhưng vợ ông G là bà Hồ Thị C không giao trả. Vì vậy, năm 1979 cha ông là ông Lê Văn K phát đơn thừa và được chính quyền ấp, xã lúc bấy giờ giải quyết cho cha ông 05 công, ông Lê Văn G 05 công. Nhưng bà C vợ của ông G không chấp hành và bị xã mời giáo dục 15 ngày nên bà C thấy sai và trả lại 10 công đất cho xã, xã lấy chia cho ông K 05 công, chia cho ông Trần Chí H 05 công. Không biết lý do gì đến năm 1989 ông G, bà C và con là Lê Thị Đ chiếm đất trái phép và bà Đ sử dụng đến năm 2007 chết nên để lại cho bà B và ông N (em bà Đ) canh tác sử dụng đến nay. Vì vậy, ông khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết buộc bà Lê Thị B và ông Lê Văn N là người đang sử dụng đất phải trả lại cho ông phần đất đã chiếm theo đo đạc thực tế cụ thể như sau: Yêu cầu bà Lê Thị B trả lại phần đất có diện tích đo đạc thực tế là 2712,7m²; yêu cầu ông Lê Văn N trả lại phần đất có diện tích đo đạc thực tế là 1405,1m², ngoài ra ông không có yêu cầu gì khác.

Theo đơn phản tố đề ngày 11/5/2015 (bút lục 284) và quá trình tố tụng cũng như tại phiên tòa hôm nay bị đơn bà Lê Thị B trình bày: Nguồn gốc đất tranh chấp khoảng năm 1950 cách mạng đã cấp cho bác ruột bà là ông Lê Văn H. Đến năm 1961 ông H

bị pháo chi khu quận Thuận Nhơn bắn chết nên đất bỏ hoang, vì ông H lúc này không có vợ con nên cha bà là ông Lê Văn G khai phá, cải tạo phần đất trên để canh tác. Năm 1972 thì cha bà được chính quyền chế độ cũ cấp chứng thư quyền sở hữu, cha bà canh tác đến năm 1978 để lại cho chị ruột bà là Lê Thị Đ canh tác. Năm 1979 ông Lê Văn K (cha ông L) làm đơn khởi kiện bà Đ đòi lại đất do thời điểm này ông Trần Chí Hòa làm việc có chức vụ nên mới đàn áp, chèn ép gia đình bà và gây tác động đến xã H để lấy đất gia đình bà chứ gia đình bà không thừa nhận đất là của nguyên đơn, vì chính quyền lúc bấy giờ giải quyết đất đai không đúng quy định. Năm 1989 cha mẹ bà theo chủ trương trả lại cho chủ đất cũ có giấy tờ hợp pháp nên đã lấy lại đất cho chị là Lê Thị Đ canh tác. Năm 2007 bà Đ chết, để lại cho bà và em bà là ông Lê Văn N canh tác đến nay. Bà không đồng ý với yêu cầu khởi kiện của ông Lê Văn L, bà phản tố yêu cầu Tòa án giải quyết công nhận phần đất đang tranh chấp có diện tích 4000m² cho bà. Tại phiên tòa hôm nay, bà B xác định thực tế bà chỉ sử dụng phần đất bà Lê Thị Đ cho lại có diện tích là 2712,7m², phần còn lại có diện tích 1405,1m² do bà Lê Thị Đ cho em ruột bà Lê Văn N sử dụng từ trước đến nay, nên bà chỉ yêu cầu công nhận cho bà diện tích là 2712,7m², thay vì theo đơn phản tố là 4000m²; đối với diện tích thực tế phần tranh chấp số 1 thuộc Nhà văn hóa ấp N có nhiều hơn quyết định thu hồi 0,2m² là do sai số nhỏ không đáng kể bà không có yêu cầu gì đối với Ủy ban nhân dân huyện C, ngoài ra bà không có yêu cầu gì khác.

Theo đơn phản tố ngày 04/9/2018 (bút lục 503) bị đơn ông Lê Văn N trình bày: Nguồn gốc đất này là của bác ruột ông tên Lê Văn H, trước năm 1975 ông H chết nên để đất lại cho cha ông là Lê Văn G canh tác. Khi trang trải đất chính quyền có giải quyết cho ông Lê Văn K khoảng 02 công ông K canh tác được khoảng 02 năm thì có chủ trương trả lại đất cho chủ cũ nên gia đình ông lấy lại khi đó ông K cũng đồng ý trả, do đất này cha ông canh tác sau đó để lại cho bà Đ, bà Đ chết để lại cho ông một phần diện tích canh tác liên tục đến nay, đất này không phải của ông L nên ông không đồng ý trả lại đất theo yêu cầu của ông L. Ông yêu cầu Tòa án giải quyết công nhận quyền sử dụng đất theo đo đạc thực tế có diện tích 1405,1m², ngoài ra ông không có yêu cầu gì khác.

Những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là các anh chị em ruột nguyên đơn gồm các ông (bà) Lê Văn T, Lê Thị H, Lê Thị T, Lê Thị V, Lê Văn L1 (P, L Em) trình bày: Không có yêu cầu gì và đồng ý để cho ông Lê Văn L (nguyên đơn) có toàn

quyền quyết định. Các ông (bà) Lê Văn T1, Lê Thị T1, Lê Thị T2 là anh chị em ruột với bị đơn bà Lê Thị B, ông Lê Văn N có ý kiến không có tranh chấp hay yêu cầu gì đối với phần đất tranh chấp này.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Ủy ban nhân dân huyện C có ông Trần Hoàng L là đại diện theo ủy quyền trình bày: Về phía Ủy ban nhân dân huyện hiện nay vẫn còn chủ trương thu hồi đất để làm Nhà văn hóa ấp N. Nếu Tòa án giải quyết phần đất thuộc quyền sở hữu của ai thì Ủy ban nhân dân huyện sẽ có phương án tiếp theo để xem xét các chính sách thu hồi, bồi thường, tái định cư và các chính sách khác (nếu có) đối với người đó; đối với số tiền đã bồi thường, hỗ trợ, tái định cư cho bà B đã nhận xong cũng sẽ được xem xét giải quyết khi có quyết định cuối cùng của Tòa án.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Ủy ban nhân dân xã M có người đại diện theo pháp luật ông Huỳnh Văn C trình bày: Ở góc độ địa phương không có ý kiến gì, do Tòa án quyết định.

Tại bản án dân sự sơ thẩm số: 41/2018/DS - ST ngày 27 tháng 12 năm 2018 của Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Hậu Giang đã tuyên xử như sau:

1. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Lê Văn L về việc khởi kiện yêu cầu bà Lê Thị B trả lại diện tích đất 2712,7m² và yêu cầu ông Lê Văn N trả lại diện tích đất 1405,1m².

2. Chấp nhận yêu cầu phản tố của bà Lê Thị B và ông Lê Văn N đối với ông Lê Văn L.

2.1. Công nhận phần đất tranh chấp số 1 diện tích 429m² thuộc Nhà văn hóa ấp Nhơn Thuận 1A, phần số 2 diện tích là 1439,6m² thuộc thửa 1522, tờ BĐ 04A, sổ mục kê tranh chấp không rõ chủ, chưa được cấp giấy chứng nhận và phần số 3 có diện tích 844,1m² thuộc thửa 1159, tờ BĐ 04A, sổ mục kê không có thửa 1159, chưa được cấp giấy chứng nhận thuộc quyền sử dụng của bà Lê Thị B.

2.2. Đối với việc thu hồi đất, bồi thường, hỗ trợ và tái định cư giữa cơ quan Nhà nước có thẩm quyền với bà Lê Thị B có liên quan đến phần đất tranh chấp số 1 sẽ do cơ quan Nhà nước có thẩm quyền giải quyết theo quy định pháp luật, nếu sau này có phát sinh tranh chấp sẽ giải quyết thành vụ án khác theo quy định pháp luật.

(Kèm theo lược đồ số 62/VP. ĐKĐĐ, ngày 05 tháng 9 năm 2016 và Công văn phúc đáp ngày 24 tháng 12 năm 2018 của Chi nhánh văn phòng đăng ký đất đai huyện C, tỉnh Hậu Giang).

2.3. Công nhận phần đất tranh chấp số 4 diện tích 1405,1m² thuộc thửa 1159, tờ BĐ 04A, sổ mục kê không có thửa 1159, chưa được cấp giấy chứng nhận thuộc quyền sử dụng của ông Lê Văn N.

(Kèm theo lược đồ số 62/VP. ĐKĐĐ, ngày 05 tháng 9 năm 2016 và Công văn phúc đáp ngày 24 tháng 12 năm 2018 của Chi nhánh văn phòng đăng ký đất đai huyện C, tỉnh Hậu Giang).

Ngoài ra, bản án còn tuyên về án phí, chi phí tố tụng, quyền kháng cáo và quyền yêu cầu thi hành án của các đương sự.

Ngày 15/01/2019 nguyên đơn ông Lê Văn L làm đơn kháng cáo bản án dân sự sơ thẩm số: 41/2018/DS - ST ngày 27 tháng 12 năm 2018 của Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Hậu Giang.

Nội dung kháng cáo: Ông Lê Văn L yêu cầu bác toàn bộ yêu cầu phản tố của bị đơn là bà Lê Thị B và ông Lê Văn N và chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông, công nhận cho ông quyền sử dụng đất diện tích 4117,8m² thuộc thửa số 1552, 1159, tờ bản đồ 04A tọa lạc tại ấp N, xã M, huyện C, tỉnh Hậu Giang.

Tại phiên tòa phúc thẩm nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện và vẫn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hậu Giang phát biểu quan điểm:

- Về tố tụng: Hội đồng xét xử phúc thẩm và Thư ký phiên tòa đã tiến hành tố tụng đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm áp dụng khoản 1 Điều 308 của Bộ luật tố tụng dân sự giữ nguyên bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, các quy định của pháp luật, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

Nguyên đơn tranh chấp quyền sử dụng đất do các bị đơn đang quản lý sử dụng. Tòa án cấp sơ thẩm xác định quan hệ tranh chấp quyền sử dụng đất là đúng với quy định tại khoản 9 Điều 26 Bộ luật dân sự năm 2015. Vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện C, theo quy định tại Điều 35, Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan gồm: Ông Lê Văn T, bà Lê Thị H, bà Lê Thị T, bà Lê Thị V, Lê Văn L1 (P, L Em), ông Lê Văn T1, bà Lê Thị T1, bà Lê Thị T2 đều có ý kiến hoặc yêu cầu gì đối với vụ án, đồng thời yêu cầu Tòa án xét xử vắng mặt. Tòa án cấp sơ thẩm căn cứ vào Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 xét xử vắng mặt các đương sự có mặt nêu trên, là đúng.

Đại diện hợp pháp của Ủy ban nhân dân xã M, huyện C đã được triệu tập đến lần thứ hai, nhưng vẫn vắng mặt tại phiên tòa. Hội đồng xét xử phúc thẩm, căn cứ vào quy định tại Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 để xét xử vắng mặt.

[2] Xét yêu cầu kháng cáo của nguyên đơn ông Lê Văn L, yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông, công nhận cho ông quyền sử dụng đất diện tích 4117,8m² thuộc thửa số 1522, 1159, tờ bản đồ 04A tọa lạc tại ấp N, xã M, huyện C, tỉnh Hậu Giang.

[2.1] Nguồn gốc đất tranh chấp có diện tích qua đo đạc thực tế 4117,8m² của ông Lê Văn H đã được chính quyền cách mạng cấp đất từ 1953, không có quyết định cấp đất. Năm 1962 ông H chết (do bị pháo của Chi Khu Một Ngàn bắn chết), bà Phạm Thị Đ (vợ chấp nối với ông H) và ông Lê Văn K (con riêng của bà Đ) không canh tác, bỏ đất hoang.

Tại phiên tòa, nguyên đơn ông Lê Văn L cho rằng sau khi ông H chết bà nội của ông là bà Phạm Thị Đ cho ông Lê Văn G thuê canh tác. Tuy nhiên, ông Lê Văn L không có tài liệu chứng cứ gì chứng minh cho việc thuê mượn quyền sử dụng đất giữa bà Đ và ông G. Bị đơn bà Lê Thị B cung cấp “Chứng thư cấp quyền sở hữu” số 440-05-02, ngày 24 tháng 3 năm 1972 của Nhà nước Việt Nam Cộng Hòa, cấp quyền sở hữu ruộng đất cho ông Lê Văn G1. Qua kết quả xác minh ngày 23 tháng 10 năm 2017 tại Ủy ban nhân dân xã M, xác định chỉ có ông Lê Văn G canh tác trên phần đất nguyên đơn tranh chấp. Sau này ông Lê Văn G để lại cho con là bà Lê Thị Đ canh tác. “Chứng thư cấp quyền sở hữu” do gia đình ông Lê Văn G cất giữ, do sai sót về tên

khi cấp giấy, có cơ sở khẳng định ông Lê Văn G được nhà nước chế độ cũ cấp chứng thư về đất đai từ năm 1972.

[2.2] Bị đơn bà Lê Thị B và ông Lê Văn N đã thực tế sử dụng phần đất đang có tranh chấp từ năm 1989 cho đến nay (hơn 29 năm) chưa đủ 30 năm để xác lập quyền sở hữu về quyền sử dụng đất theo thời hiệu quy định tại Điều 236 Bộ luật dân sự năm 2015. Nhưng bà B và ông N đã sử dụng đất ổn định và có giấy tờ về quyền sử dụng đất do cơ quan có thẩm quyền thuộc chế độ cũ cấp cho người sử dụng đất theo quy định tại điểm e khoản 1 Điều 100 Luật đất đai năm 2013. Mặt khác, bà Lê Thị Đ đã được đứng tên trong sổ mục kê một phần diện tích đất tranh chấp, đồng thời bà Đ đã thực hiện nghĩa vụ nộp thuế nông nghiệp từ năm 1990 cho đến năm 2005. Bà B và ông N đã được bà Lê Thị Đ để lại quyền sử dụng đất không ai tranh chấp chỉ có nguyên đơn ông Lê Văn L tranh chấp.

Nguyên đơn ông Lê Văn L tranh chấp quyền sử dụng đất với bị đơn nhưng ông không có giấy tờ gì liên quan về quyền sử dụng đất để chứng minh ông là người có quyền sử dụng đất để tranh chấp. Ông Lê Văn H và bà Phạm Thị Đ (là bà nội của ông) là vợ chồng chấp nối, cha ông (ông Lê Văn K) là con riêng của bà Đ. Như vậy, theo quy định của pháp luật về thừa kế, ông K không phải là hàng thừa kế của ông H và không có cơ sở để xác định bà Đ có phải là vợ chồng hợp pháp với ông H để hưởng thừa kế quyền sử dụng đất của ông H. Do vậy, ông Lê Văn L căn cứ vào đâu để xác định ông có quyền khởi kiện đối với bị đơn.

Từ những nhận định nêu trên, Hội đồng xét xử phúc thẩm xét thấy Tòa án cấp sơ thẩm không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Lê Văn L là có cơ sở.

[3] Đối với yêu cầu phản tố của bị đơn bà Lê Thị B và ông Lê Văn N:

[3.1] Bà Lê Thị B yêu cầu được công nhận cho bà phần đất bà thực tế sử dụng, ông L đang tranh chấp, có diện tích đo đạc thực tế là 2712,7m².

Theo biên bản xem xét thẩm định tại chỗ ngày 16 tháng 8 năm 2016. Trong tổng diện tích bà B sử dụng có một phần ảnh hưởng quy hoạch Nhà Văn hóa ấp N (tại vị trí số 1), diện tích 429.0m² và Phần đất tại vị trí số 2 có diện tích 1439,6m² thuộc thửa số 1522, tờ bản đồ số 4A, sổ mục kê ruộng đất không ghi rõ tên chủ sử dụng đất; Phần

đất tại vị trí số 3 có diện tích 844,1m² thuộc thửa số 1159, tờ bản đồ số 4A, sổ mục kê ruộng đất do bà Lê Thị Đ đứng tên.

[3.2] Ông Lê Văn N yêu cầu công nhận diện tích đất ông đang canh tác có diện tích đo đạc thực tế 1.405,1m² thuộc thửa số 1159, tờ bản đồ số 4A, sổ mục kê ruộng đất do bà Lê Thị Đ đứng tên.

Phần đất các bên đương sự tranh chấp chưa được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Như nhận định ở phần trên về nguồn gốc đất, Hội đồng xét xử nhận thấy bà B và ông N sử dụng đất ổn định và có cơ sở chứng minh về nguồn gốc đất của gia đình. Ông N và bà B có công gìn giữ và cải tạo đất, sử dụng đất ổn định lâu dài. Do đó, Hội đồng xét xử phúc thẩm xem xét chấp nhận các chứng cứ do bị đơn cung cấp và căn cứ vào quy định tại Điều 26, Điều 100 Luật đất đai năm 2013; Nghị định số 43/2014/NĐ - CP về quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật đất đai; chấp nhận toàn bộ yêu cầu phản tố của các bị đơn.

[4] Tại Quyết định số 1815/QĐ - UBND ngày 10 tháng 11 năm 2011 của Ủy ban nhân dân huyện C, về việc quy hoạch và thông báo thu hồi đất để đầu tư xây dựng công trình Nhà Văn hóa ấp N, xã M, huyện C. Phần đất tranh chấp tại vị trí 1, bà B đang sử dụng có diện tích 429.0m² ảnh hưởng trong quy hoạch. Trong phạm vi giải quyết của vụ án, Hội đồng xét xử phúc thẩm chỉ giải quyết tranh chấp về quyền sử dụng đất. Về trình tự thủ tục thu hồi đất, bồi thường, hỗ trợ về đất của Ủy ban nhân dân huyện C, nếu có phát sinh tranh chấp sẽ giải quyết bằng một vụ án khác.

[5] Xét đề nghị của đại diện kiểm sát phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

[6] Từ những nhận định trên Hội đồng xét xử không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của nguyên đơn ông Lê Văn L. Do yêu cầu khởi kiện và kháng cáo của ông L không được chấp nhận, ông phải chịu án phí dân sự sơ thẩm, án phí dân sự phúc thẩm và chi phí tố tụng về xem xét thẩm định tại chỗ.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 308 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Điều 26, Điều 100, Điều 203 Luật đất đai năm 2013. Nghị định số

43/2014/NĐ-CP về quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật đất đai;

Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án, áp dụng đối với cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan đến án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Giữ nguyên bản án sơ thẩm.

1. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Lê Văn L về việc khởi kiện yêu cầu bà Lê Thị B trả lại diện tích đất 2712,7m² và yêu cầu ông Lê Văn N trả lại diện tích đất 1405,1m².

2. Chấp nhận yêu cầu phản tố của các bị đơn bà Lê Thị B và ông Lê Văn N đối với ông Lê Văn L.

2.1. Công nhận phần đất tranh chấp số 1 diện tích 429m² thuộc Nhà văn hóa ấp N, phần số 2 diện tích là 1439,6m² thuộc thửa 1522, tờ BĐ 04A, sổ mục kê tranh chấp không rõ chủ, chưa được cấp giấy chứng nhận và phần số 3 có diện tích 844,1m² thuộc thửa 1159, tờ BĐ 04A, sổ mục kê không có thửa 1159, chưa được cấp giấy chứng nhận thuộc quyền sử dụng của bà Lê Thị B.

2.2. Đối với việc thu hồi đất, bồi thường, hỗ trợ và tái định cư giữa cơ quan Nhà nước có thẩm quyền với bà Lê Thị B có liên quan đến phần đất tranh chấp số 1 sẽ do cơ quan Nhà nước có thẩm quyền giải quyết theo quy định pháp luật, nếu sau này có phát sinh tranh chấp sẽ giải quyết thành vụ án khác theo quy định pháp luật.

(Kèm theo lượt đồ số 62/VP. ĐKĐĐ, ngày 05 tháng 9 năm 2016 và Công văn phúc đáp ngày 24 tháng 12 năm 2018 của Chi nhánh văn phòng đăng ký đất đai huyện C, tỉnh Hậu Giang).

2.3. Công nhận phần đất tranh chấp số 4 diện tích 1405,1m² thuộc thửa 1159, tờ BĐ 04A, sổ mục kê không có thửa 1159, chưa được cấp giấy chứng nhận thuộc quyền sử dụng của ông Lê Văn N.

(Kèm theo lượt đồ số 62/VP. ĐKĐĐ, ngày 05 tháng 9 năm 2016 và Công

văn phúc đáp ngày 24 tháng 12 năm 2018 của Chi nhánh văn phòng đăng ký đất đai huyện C, tỉnh Hậu Giang).

3. Về án phí dân sơ thẩm: Buộc ông Lê Văn L phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng). Khấu trừ số tiền tạm ứng án phí 3.000.000 đồng (Ba triệu đồng) ông L đã nộp theo biên lai thu số 0005609 ngày 25/3/2013 và 200.000 đồng (hai trăm nghìn đồng) theo biên lai tạm ứng án phí số 0010721 ngày 22/11/2016 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện C, tỉnh Hậu Giang, vào án phí phải chịu. Ông Lê Văn L được nhận lại 2.900.000 đồng (hai triệu chín trăm nghìn đồng) tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện C, tỉnh Hậu Giang.

Bà Lê Thị B được nhận lại số tiền 5.000.000 đồng (năm triệu đồng) bà đã nộp theo biên lai thu số 0003661 ngày 18/5/2015 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện C, tỉnh Hậu Giang.

Ông Lê Văn N được nhận lại số tiền 1.756.000 đồng (một triệu bảy trăm năm mươi sáu nghìn đồng), ông đã nộp theo biên lai thu số 0018473 ngày 04/9/2018 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện C, tỉnh Hậu Giang.

4. Về án phí phúc thẩm: Buộc ông Lê Văn L phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng). Chuyển số tiền tạm ứng án phí ông đã nộp 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu số 0018674 ngày 21/01/2019 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện C, tỉnh Hậu Giang thành án phí.

5. Về chi phí tố tụng: Buộc ông Lê Văn L phải chịu 2.449.658 đồng (hai triệu bốn trăm bốn mươi chín nghìn sáu trăm năm mươi tám đồng). Ông L đã nộp tạm ứng 3.500.000 đồng (ba triệu năm trăm nghìn đồng) nên ông được nhận lại 1.050.342 đồng (một triệu không trăm năm mươi nghìn ba trăm bốn mươi hai đồng) tại Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Hậu Giang.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định của Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định của Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định của Luật thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án, ngày 27/6/2019.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Hậu Giang;
- TAND huyện C;
- Chi cục THADS huyện C;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Võ Thị Phụng

CÁC THẨM PHÁN

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Võ Thị Phụng